

Số: 4275 /QĐ-UBND

Hiệp Hoà, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Lương Phong năm 2023 (nguồn vốn thuộc Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình MTQGGNBV giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 1676/VBHN-BLĐTBXH ngày 10/5/2023 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương.

Căn cứ Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Ban hành quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 02/HDLN-SLĐTB&XH-SKH&ĐT-SNN&PTNT-STC ngày 05/7/2023 của liên ngành: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện Dự án 2- Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và Tiểu Dự án 1-Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp của Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 2), tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của UBND xã Lương Phong tại Tờ trình số 75/TTr- UBND ngày 02/10/2023 về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt Chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Lương Phong năm 2023 và Tổ thẩm định Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo tại Tờ trình số 447/TTr-TTĐ ngày 04/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Lương Phong năm 2023 (nguồn vốn thuộc Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023) với nội dung như sau:

1. Tên dự án: Chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Lương Phong năm 2023.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Lương Phong.

3. Đại diện tổ (nhóm) cộng đồng: Ông Lưu Văn Loan; địa chỉ: Sơn Quả 5, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hoà; CCCD số 024068008553, cấp ngày 16/6/2021. Số điện thoại liên hệ: 0338127095.

4. Thời gian triển khai: Từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 10 năm 2025.

5. Địa điểm, quy mô hiện dự án

- **Địa điểm thực hiện:** Tại 13/13 thôn trên địa bàn xã Lương Phong.

- **Quy mô:** Tổng số 41 con bò cái lai sind sinh sản; 01 con/hộ.

6. Đối tượng tham gia, hình thức thực hiện

- **Đối tượng tham gia:** Tổng số thành viên tham gia thực hiện dự án: 42 hộ;

trong đó có 25 hộ nghèo, 13 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát nghèo, 01 hộ chăn nuôi bò giỏi và 01 người khuyết tật không có sinh kế ổn định (*có danh sách các hộ tham gia thực hiện dự án kèm theo*).

- Hình thức thực hiện: UBND xã trực tiếp thực hiện việc mua sắm (tổ chức các hoạt động đấu thầu đối với các nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu) và bàn giao sản phẩm cho đại diện cộng đồng (hỗ trợ bò cái giống) thông qua hình thức ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm công đồng (Tổ trưởng). Tổ trưởng sau khi nhận hỗ trợ bò cái giống có trách nhiệm chuyển giao cho các thành viên trong tổ để thực hiện chăn nuôi; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho Tổ cộng đồng và một số thành viên có liên quan. Các hộ tham gia dự án có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển dự án theo bản cam kết đã ký; sau mỗi kỳ chăn nuôi có trách nhiệm tái sản xuất mở rộng đàn bò của các hộ tham gia dự án.

7. Các hoạt động dự án: (*Có phương án tổ chức các hoạt động kèm theo*).

8. Nguồn kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 1.010.479.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ không trăm mười triệu bốn trăm bảy chín nghìn đồng*). Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ 597.598.000 đồng;
- Vốn đối ứng của các hộ tham gia dự án: 412.881.000 đồng.

(*Có biểu dự toán kinh phí kèm theo*)

9. Hình thức, mức quay vòng vốn

Thu hồi, quay vòng vốn bằng tiền mặt; tỷ lệ thu hồi 5% theo Điều 4 Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang; thời gian thu hồi tối đa không quá 03 tháng sau khi kết thúc dự án.

10. Dự kiến hiệu quả của dự án

Sau 01 chu kỳ dự án nuôi bò sinh sản, mỗi hộ cung ứng ra thị trường 01 con bò cho người tiêu dùng, thương lái trong và ngoài tỉnh và sau khi trừ chi phí thu về khoảng 13.500.000 đồng/con; trong khi đó các hộ còn 01 con bò mẹ sinh sản ban đầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để sinh sản. Các hộ sử dụng nguồn vốn có lãi từ dự án tiếp tục mua con giống để tăng đàn, tái đàn và hoàn trả vốn quay vòng 5% số vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để có thể mở rộng quy mô dự án, hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo khác trên địa bàn xã Lương Phong. Kết thúc dự án, dự kiến 38 hộ thoát nghèo, 02 hộ mới thoát nghèo không tái nghèo.

11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết: Thu hồi lại 100% vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ hộ dân tham gia dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã Lương Phong thông báo nội dung của dự án đã được phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án; Ký hợp đồng với đại diện Tổ nhóm cộng đồng tổ chức thực hiện các nội dung dự án; Tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu đối với các nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu ; Bàn giao tài sản cho tổ nhóm cộng

đồng để triển khai thực hiện dự án (theo mẫu số 01/TSC-BBGN Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công); Nghiệm thu kết quả, khối lượng, chất lượng công việc, đồng thời hướng dẫn, theo dõi triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung, tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện Tổ nhóm cộng đồng; Giám sát, theo dõi tiến độ kết quả thực hiện cụ thể của dự án, báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội).

UBND xã Lương Phong có trách nhiệm tổ chức thu hồi, quay vòng nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

2. Giao Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện chủ trì, phối hợp, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

3. Giao Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra thực hiện đảm bảo đúng tiến độ dự án và việc chấp hành các quy định pháp luật của cộng đồng thực hiện dự án.

4. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xã, Tổ cộng đồng thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động của dự án.

5. Giao Tổ trưởng Tổ cộng đồng và các thành viên tổ chức triển khai thực hiện nội dung kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm theo Quyết định phê duyệt và Hợp đồng ký kết với UBND xã Lương Phong; Sử dụng con giống được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng mục đích, nội dung, dự toán tại Quyết định phê duyệt dự án; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động- Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Lương Phong, Tổ cộng đồng và các ông, bà có tên trong danh sách tham gia dự án tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Lao động-TB&XH;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVVX;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghị

**DANH SÁCH CÁC HỘ THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN
CHĂN NUÔI BÒ SINH SẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LƯƠNG PHONG NĂM 2023**
(Kèm theo Quyết định số 4275 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023
của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)

TT	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ	Thuộc đối tượng	Ghi chú
1	Lưu Văn Loan	24/7/1968	Kinh	Sơn quả 5	Hộ chăn nuôi bò sinh sản giỏi	Tổ trưởng
2	Dương Văn Sen	3/12/1977	Kinh	Chóp	Hộ nghèo	Tổ phó
3	Dương Văn Quý	12/10/1972	Kinh	Chóp	Hộ cận nghèo	Thành viên
4	Chu Thị Thê	1/4/1972	Kinh	Chóp	Hộ Nghèo	Thành viên
5	Dương Văn Vinh	20/3/1992	Kinh	Chóp	Hộ nghèo	Thành viên
6	Nguyễn Thị Luận	26/6/1959	Kinh	Cắm	Hộ nghèo	Thành viên
7	Nguyễn Văn Bẩy	1961	Kinh	Cắm	Mới thoát nghèo	Thành viên
8	Nguyễn Văn Tam	1967	Kinh	Cắm	Mới thoát nghèo	Thành viên
9	Hoàng Văn Đây	20/8/1947	Kinh	Giữa	Hộ nghèo	Thành viên
10	Nguyễn Văn Hà	9/11/1981	Kinh	Giữa	Hộ nghèo	Thành viên
11	Nguyễn Văn Hải	9/6/1990	Kinh	Giữa	Hộ nghèo	Thành viên
12	Nguyễn Văn Đại	10/11/1990	Kinh	Chùa	Hộ cận nghèo	Thành viên
13	Nguyễn Văn Điều	10/8/1956	Kinh	Chùa	Hộ nghèo	Thành viên
14	Hà Văn Vượng	20/10/1975	Kinh	Đông	Hộ nghèo	Thành viên
15	Hà Văn Hưng	21/5/1984	Kinh	Đông	Hộ cận nghèo	Thành viên
16	Nguyễn Văn Được	15/10/1958	Kinh	Đông	Hộ cận nghèo	Thành viên
17	Nguyễn Văn Toàn	1/1/1976	Kinh	Đông	Hộ nghèo	Thành viên
18	Nguyễn Văn Thiêm	1/1/1958	Kinh	Tứ	Hộ nghèo	Thành viên
19	Trần Văn Minh	5/11/1984	Kinh	Tứ	Hộ nghèo	Thành viên
20	Lục Văn Bình	10/11/1984	Nùng	Tứ	Hộ cận nghèo	Thành viên

21	Nguyễn Thị Mừng	1/1/1945	Kinh	Tứ	Hộ cận nghèo	Thành viên
22	Ngo Văn Thành	15/9/1982	Kinh	Khánh	Hộ cận nghèo	Thành viên
23	Đặng Văn Điều	12/7/1981	Kinh	Khánh	Hộ nghèo	Thành viên
24	Nguyễn Văn Quý	3/10/1981	Kinh	Khánh	Hộ nghèo	Thành viên
25	Lưu Thị Hường	‘1978	Kinh	Khánh	Hộ nghèo	Thành viên
26	Nguyễn Việt Bình	1956	Kinh	Vân an	Hộ cận nghèo	Thành viên
27	Nguyễn Trung Phong	10/11/1983	Kinh	Vân an	Hộ cận nghèo	Thành viên
28	Nguyễn Văn Toàn	19/5/1955	Kinh	Sơn quả 1	Hộ nghèo	Thành viên
29	Hà Thị Phi	5/11/1964	Kinh	Sơn quả 1	Hộ nghèo	Thành viên
30	Hữu Văn Mùi	20/7/1991	Kinh	Sơn quả 1	Hộ cận nghèo	Thành viên
31	Phạm Văn Đức	16/10/1988	Kinh	Sơn quả 1	Hộ nghèo	Thành viên
32	Lưu Văn Khôi	15/5/1981	Kinh	Sơn quả 2	Hộ nghèo	Thành viên
33	Lưu Văn Hùng	18/9/1981	Kinh	Sơn quả 2	Hộ nghèo	Thành viên
34	Lê Văn Phong	5/3/1974	Kinh	Sơn quả 2	Hộ nghèo	Thành viên
35	Lê Văn Thu	20/12/1977	Kinh	Sơn quả 3	Hộ nghèo	Thành viên
36	Ngô Thị Tiệp	20/10/1955	Kinh	Sơn quả 3	Hộ nghèo	Thành viên
37	Đoàn Văn Đức	15/04/1961	Kinh	Sơn quả 4	Khuyết tật	Thành viên
38	An Văn Huy	26/10/1971	Kinh	Sơn quả 4	Hộ cận nghèo	Thành viên
39	Đoàn Văn Điền	10/5/1986	Kinh	Sơn quả 4	Hộ nghèo	Thành viên
40	Lưu Văn Hợi	26/8/1958	Kinh	Sơn quả 5	Hộ nghèo	Thành viên
41	Lưu Văn Thanh	30/06/1960	Kinh	Sơn quả 5	Hộ nghèo	Thành viên
42	Lưu Thị Yên	30/1/1981	Kinh	Sơn quả 5	Hộ nghèo	Thành viên

Tổng số thành viên tham gia thực hiện dự án: 42 hộ; trong đó có 25 hộ nghèo, 13 hộ cận nghèo, 02 hộ mới thoát nghèo, 01 hộ chăn nuôi bò sinh sản giỏi và 01 người khuyết tật không có sinh kế ổn định.

NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN
CHĂN NUÔI BÒ SINH SẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LƯƠNG PHONG NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 4275 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023
của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa)

1. Nhu cầu sản xuất sản phẩm của cộng đồng dân cư

1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn xã Lương Phong

Xã Lương Phong nằm ở phía đông của huyện Hiệp Hòa, phía đông giáp xã Việt Tiến, huyện Việt Yên; phía tây giáp thị trấn Thắng; phía nam giáp xã Đoàn Bái; phía bắc xã Ngọc Sơn. Tổng diện tích tự nhiên 1.260 ha, nhân dân sống chủ yếu bằng nghề nông, xã có 13 thôn với 4.203 hộ, 17.763 nhân khẩu. Tổng số hộ nghèo 159 hộ, chiếm 3,67%, hộ cận nghèo 80 hộ, chiếm 1,9%.

Kinh tế của người dân chủ yếu sản xuất nông kết hợp với chăn nuôi là chính, nguyên nhân của các hộ nghèo chủ yếu là do thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật, thiếu vốn sản xuất, trong khi đó bản thân các hộ nghèo đều có mong muốn được hỗ trợ về kỹ thuật, vốn để sản xuất kinh tế hộ, vươn lên thoát nghèo.

1.2. Tổng quan về phát triển chăn nuôi trước khi thực hiện dự án

Trên địa bàn xã Lương Phong có mô hình chăn bò sinh sản là sản phẩm chủ lực của xã. Hiện nay tổng đàn bò trên địa bàn xã là trên 1.925 con; trong đó có trên 1.154 hộ nuôi bò sinh sản với quy mô từ một đến vài con. Mô hình chăn nuôi bò sinh sản tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình. Việc phát triển mô hình chăn nuôi bò đã cho thấy rõ hiệu quả kinh tế đem lại nguồn thu gấp 2-3 lần các sản phẩm khác tại địa phương, góp phần giảm nghèo và trở thành mô hình chủ lực để các hộ dân học tập, nhân rộng trên địa bàn xã.

1.3. Sự cần thiết xây dựng dự án

Thực hiện chủ chương của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trong đó có Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Lương Phong năm 2023.

Để phát triển kinh tế theo hình thức hỗ trợ phát triển kinh tế cộng đồng mang lại lợi ích kinh tế cao, thoát nghèo bền vững, tiếp tục nhân rộng mô hình phát triển sản xuất trong tương lai. Các hộ dân tham gia dự án có khả năng đối ứng vốn để tiếp tục phát triển sản xuất và thực hiện tỷ lệ thu hồi vốn (5%) để tiếp tục đầu tư cho các hộ dân khác trên địa bàn cùng làm kinh tế để vươn lên thoát nghèo. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy hoạch; ưu tiên phát triển chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học; chăn nuôi có gắn với tiêu thụ sản phẩm; chú trọng công tác giống, kiểm soát dịch bệnh.

2. Xác định mục tiêu của dự án

2.1. Mục tiêu chung

Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản xã Lương Phong góp phần tạo việc làm,

tăng thu nhập; dự kiến 38 hộ hộ thoát nghèo sau khi tham gia dự án, bằng 92,7%, 02 hộ mới thoát nghèo có điều kiện phát triển kinh tế, không tái nghèo.

Đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đóng góp cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Phát triển nghề chăn nuôi bò sinh sản theo hướng hàng hóa, phù hợp với điều kiện canh tác của người dân, thân thiện với môi trường, đảm bảo tạo ra giá trị kinh tế, lợi ích cho các hộ dân tham gia dự án.

Dự án tạo ra việc làm cho lao động các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án và các lao động thời vụ tham gia hoạt động mua bán, vận chuyển,... đồng thời, các hộ dân tham gia thực hiện dự án có mức thu nhập tăng tối thiểu 20-30% từ việc chăn nuôi bò sinh sản. Dự kiến 38 hộ dân tham gia dự án thoát nghèo.

Hộ dân tham gia dự án được hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi bắt tay chỉ việc, hướng dẫn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi cho người dân chưa có kinh nghiệm. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án, bổ sung kiến thức công tác giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội tại địa phương.

3. Xác định các hoạt động của dự án

- Năm 2023: Xây dựng dự án, lập dự toán kinh phí thực hiện dự án gửi UBND xã trình UBND huyện phê duyệt dự án. Tổ chức tập huấn chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân (kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng bò sinh sản); tổ chức sản xuất; giám sát, nghiệm thu chuồng trại, tiếp nhận và cấp phát đủ số lượng bò sinh sản được nhà nước hỗ trợ cho các hộ dân tham gia thực hiện dự án; hoàn thiện hồ sơ, chứng từ, báo cáo tiến độ trình cơ quan chức năng nghiệm thu, quyết toán các hạng mục hỗ trợ.

- Năm 2024: Thường xuyên giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, đôn đốc người dân tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh trên đàn bò sinh sản; tổ chức tập huấn kỹ thuật qua các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của đàn bò.

- Năm 2025: Thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng tiêu thụ bò con, thu hồi vốn theo quy định. Đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện mô hình cho cơ quan quản lý nhà nước; xem xét hiệu quả, mở rộng quy mô. Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Lương Phong, hình thức quay vòng bằng tiền mặt với tỷ lệ thu hồi vốn là 5% vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp để thực hiện dự án tiếp theo.

4. Xác định phương án huy động và sử dụng vốn

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 1.010.479.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ không trăm mười triệu bốn trăm bảy chín nghìn đồng*). Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ 597.598.000 đồng (*tương ứng 59% tổng kinh phí dự án*); Vốn đối ứng của các hộ tham gia dự án: 412.881.000 đồng (*tương ứng 41% tổng kinh phí*

dự án).

4.1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 597.598.000 đồng; Trong đó:

- Hỗ trợ mua giống bò sinh sản: 588.708.000 đồng.
- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: 1.025.000 đồng.
- Hỗ trợ chi phí tổ chức đấu thầu: 7.865.000 đồng.

4.2. Đối ứng của các hộ gia đình tham gia dự án: 412.881.000 đồng; Trong đó:

- Chi phí mua giống bò: 97.632.000 đồng.
- Chi phí xây dựng, sửa chữa chuồng trại: 123.000.000 đồng.
- Chi phí thức ăn chăn nuôi: 184.500.000 đồng.
- Chi phí vắc xin, thuốc thú y: 7.749.000 đồng.

5. Xác định về doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Sau 2 năm chăm sóc và áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, mỗi con bò cái sinh sản 1 con bò con. Dự kiến doanh thu trong thời gian thực hiện dự án là: 41 con x 18.000.000 đồng/con = 387.000.000 đồng. Sau khi trừ đi tất cả các khoản chi phí, lợi nhuận của mỗi hộ trung bình khoảng 14.500.000 đồng/năm và vẫn còn 01 con bò mẹ sinh sản để tiếp tục duy trì.

6. Xác định hiệu quả của dự án

6.1. Hiệu quả về kinh tế: Chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn xã Lương Phong năm 2023 tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và trở thành mô hình chủ lực để các hộ dân học tập, nhân rộng trên địa bàn xã.

6.2. Hiệu quả về môi trường: Dự án áp dụng kỹ thuật phù hợp giúp hạn chế ô nhiễm môi trường, tạo được thu nhập cho người dân.

6.3. Hiệu quả về xã hội

- Tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội thực hiện thành công chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Qua thực hiện dự án dự kiến 38 hộ sẽ thoát nghèo (25 hộ nghèo, 13 hộ cận nghèo), 02 hộ mới thoát nghèo và 01 người khuyết tật có thu nhập kinh tế ổn định, không tái nghèo.

- Xây dựng thành công dự án góp phần cải tạo việc làm nâng cao thu nhập cho các hộ dân, tăng sản phẩm cho xã hội, đời sống được cải thiện góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương

BIỂU DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN
CHĂN NUÔI BÒ SINH SẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LƯƠNG PHONG NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 4275 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hoà)

DVT: đồng.

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Trong đó		Ghi chú
						Ngân sách Nhà nước (đồng)	Đối ứng của người dân (đồng)	
I	Hỗ trợ hoạt động sản xuất				1.010.479.000	597.598.000	412.881.000	
1	Giống bò cái sinh sản (150-160 kg/con); 41 con	kg	6.355	108.000	686.340.000	588.708.000	97.632.000	Thực hiện năm 2023
2	Vật tư các loại				192.249.000		192.249.000	
2.1	Thức ăn hỗn hợp độ đậm từ 14-16% (300kg/con)	kg	12.300	15.000	184.500.000		184.500.000	
-	Năm 2023 (1kg/con/ngày x 90 ngày)	Kg	3.690	15.000	55.350.000		55.350.000	
-	Năm 2024 (1kg/con/ngày x 120 ngày)	Kg	4.920	15.000	73.800.000		73.800.000	
-	Năm 2025 (1kg/con/ngày x 90 ngày)	Kg	3.690	15.000	55.350.000		55.350.000	
2.2	Vắc xin viêm da nổi cục (1 liều/con/năm)	Liều	123	35.000	4.305.000		4.305.000	
-	Năm 2023	Liều	41	35.000	1.435.000		1.435.000	
-	Năm 2024	Liều	41	35.000	1.435.000		1.435.000	
-	Năm 2025	Liều	41	35.000	1.435.000		1.435.000	
2.3	Vắc xin LMLM (1 liều/con/năm)	Liều	123	18.000	2.214.000		2.214.000	
-	Năm 2023	Liều	41	18.000	738.000		738.000	
-	Năm 2024	Liều	41	18.000	738.000		738.000	
-	Năm 2025	Liều	41	18.000	738.000		738.000	
2.4	Vắc xin THT (1 liều/con/năm)	Liều	123	10.000	1.230.000		1.230.000	
-	Năm 2023	Liều	41	100.000	410.000		410.000	
-	Năm 2024	Liều	41	100.000	410.000		410.000	
-	Năm 2025	Liều	41	100.000	410.000		410.000	

3	Chuồng trại (cải tạo, sửa chữa chông trại)	M²	246	500.000	123.000.000		123.000.000	Thực hiện năm 2023
-	Cát	M ³	82	350.000	28.700.000		28.700.000	
-	Xi măng	Kg	16.600	1.200	19.920.000		19.920.000	
-	Ngói Proimang	Viên	492	50.000	24.600.000		24.600.000	
-	Công lao động	Công	82	450.000	36.900.000		36.900.000	
-	Đá xi măng	Viên	8.125	1.600	13.000.000		13.000.000	
4	Tập huấn kỹ thuật				1.025.000	1.025.000		Thực hiện năm 2023
-	Chi tiền vở viết	Quyển	41	10.000	410.000	410.000		
-	Bút mực bi	Cái	41	5.000	205.000	205.000		
-	Tài liệu học tập	Người	41	5.000	205.000	205.000		
-	Nước uống	Người	41	5.000	205.000	205.000		
II	Hỗ trợ chi phí quản lý dự án				7.865.000	7.865.000		Thực hiện năm 2023
1	Chi phí đấu thầu (lập E - HSMT, thẩm định E-HSMT, đánh giá E-HSDT và thẩm định E-HSDT)		1		7.700.000	7.700.000		
2	Chi phí đăng tải E-HSMT		1		165.000	165.000		
	Tổng cộng				1.010.479.000	597.598.000	412.881.000	